

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/KDTM-ST

Ngày: 08/4/2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phùng Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Thái Sơn.

2. Ông Phạm Đình Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 05/2023/TLST-KDTM ngày 23 tháng 10 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: Số 02 đường Láng Hạ, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Ủy quyền cho Ngân hàng N – Chi nhánh H, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ trụ sở: TDP H, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền có ông Lê Văn N – Chức vụ: Giám đốc.

Theo văn bản ủy quyền số: 2665/QĐ-NHN<sub>o</sub>-PC ngày 01/12/2022.

Ông Lê Văn N ủy quyền cho ông Lê Quốc V – Chức vụ: Trưởng phòng KHKD theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2024.

- Bị đơn: Ông Phạm Hồng G, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ 2, thôn Duy H, xã B, huyện T, Quảng Nam.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Đỗ Thị Bé M, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Chung cư A5, đường Bùi Dương Lịch, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

(Ông V có mặt; ông G, bà M vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Lê Quốc V trình bày: Vào ngày 22/6/2021 Ông Phạm Hồng G và Bà Đỗ Thị Bé M có ký kết hợp đồng tín dụng số: 01/HA/HĐTD/AGRI-PHG (4222-LAV-202100305) để vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam số tiền là 1.600.000.000 đồng. Mục đích vay kinh doanh mua bán hải sản, hình thức vay thế chấp, thời hạn là 12 tháng, lãi suất 8%/năm. Tuy nhiên, sau khi vay đến nay đã lâu nhưng ông G không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Nay ông đại diện theo ủy quyền Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Ông Phạm Hồng G phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng N - Chi nhánh H, Quảng Nam số tiền nợ gốc là 1.600.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 08/4/2024 là 267.123.288 đồng. Đại diện cho nguyên đơn chỉ yêu cầu ông G, không yêu cầu bà M trả nợ cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 590354, thửa đất số 322, tờ bản đồ số 24, diện tích 165m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, tại: Tổ 6, thôn 6 (Duy Hà), xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Được UBND huyện T cấp ngày 11/02/2009. Chuyển nhượng cho ông G vào ngày 20/6/2019. Nếu ông G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xử lý tài sản đảm bảo để Ngân hàng thu hồi vốn. Tài sản đảm bảo xác định là tài sản riêng của Ông Phạm Hồng G.

\* Bị đơn Ông Phạm Hồng G trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải: Vào năm 2021 ông có làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam số tiền là 1.600.000.000 đồng. Mục đích vay: Kinh doanh hải sản. Do dịch bệnh cuộc sống khó khăn, làm ăn không ra nên ông chưa trả nợ cho Ngân hàng. Khi đó để đảm bảo nên Ngân hàng yêu cầu vợ ông là Đỗ Thị Bé M ký cùng ký vào hợp đồng vay. Thực chất khoản vay này ông vay để kinh doanh. Về giấy phép kinh doanh chỉ do một mình ông đứng tên và tài sản thế chấp cho Ngân hàng là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông đã nộp bản cam kết tài sản riêng của ông cho Tòa án. Hiện nay vợ chồng ông và bà M đã ly hôn, ông cam kết trả nợ cho ngân hàng. Nếu ông không trả thì ông đồng ý giao tài sản để kê biên thu hồi nợ. Riêng Bà Đỗ Thị Bé M không liên quan trong khoản vay cũng như tài sản đảm bảo vay.

\* Bà Đỗ Thị Bé M trình bày tại bản tự khai: Trước đây bà và ông G là vợ chồng. Trong thời gian đó ông G có vay của Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam số tiền là 1.600.000.000 đồng, khoản tiền này ông G vay làm ăn kinh doanh hải sản, bà thì làm công nhân nên không biết việc kinh doanh của ông G. Khi vay Ngân hàng yêu cầu bà ký vào hợp đồng vay nên bà ký tên, vì lúc đó bà và ông G còn là vợ chồng. Thực chất đây là khoản vay của ông G và ông G thế chấp mảnh đất là tài sản riêng của ông G. Nay Ngân hàng yêu cầu trả nợ thì bà đồng ý khoản nợ này là của ông G với Ngân hàng và tài sản thế chấp thì bà đồng ý là tài sản của riêng ông G. Bà thống nhất Ngân hàng thanh lý tài sản đảm bảo kê biên thu hồi nợ. Hiện nay bà và ông G đã ly hôn với nhau, đã có quyết định thuận tình ly hôn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đối với nguyên đơn kể từ

khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay vắng mặt nên đề nghị xử vắng mặt ông G và bà M.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như diễn biến tại phiên Tòa thì thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông G trả nợ, không yêu cầu bà M trả nợ. Tuy nhiên, theo hợp đồng tín dụng có bà M ký vay và tại đơn khởi kiện có yêu cầu bà M trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông G và bà M phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và tính lãi quá hạn cho khi thanh toán xong khoản nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ lời trình bày của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng N – Chi nhánh H và hộ kinh doanh cá thể Ông Phạm Hồng G theo giấy chứng nhận số: 33H8006874. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn có trụ sở đóng trên địa bàn và có hộ khẩu tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng với quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Tại hợp đồng tín dụng số: 01/HA/HĐTD/AGRI-PHG (4222-LAV-202100305) giữa Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam với hộ Ông Phạm Hồng G và Bà Đỗ Thị Bé M. Trong đó Ông Phạm Hồng G đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số: 33H8006847 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện T cấp ngày 04/6/2019. Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam có làm thủ tục cho hộ ông G bà M vay số tiền số tiền là 1.600.000.000 đồng. Mục đích vay kinh doanh mua bán hải sản, hình thức vay thế chấp, thời hạn là 12 tháng, lãi suất 8%/năm. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 590354, thửa đất số 322, tờ bản đồ số 24, diện tích 165m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, tại: Tổ 6, thôn 6 (Duy Hà), xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Được UBND huyện T cấp ngày 11/02/2009. Chuyển nhượng cho Ông Phạm Hồng G vào ngày 20/6/2019.

- Khi thực hiện việc vay vốn các bên có lập hợp đồng cụ thể; Có giấy đề nghị kiêm phương án vay; Có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và có công chứng hợp pháp.

Trong quá trình vay ông G bà M không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng thỏa thuận. Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Ông Phạm Hồng G phải trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam số tiền nợ gốc là 1.600.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 08/4/2024 là 267.123.288 đồng.

Ông G thừa nhận khoản nợ là của riêng ông và tài sản đảm bảo là của riêng ông G. Hiện nay ông G và bà M đã ly hôn nên khoản nợ này ông G thống nhất trả cho Ngân hàng và đồng ý giao tài sản đảm bảo nếu không trả khoản nợ.

Đại diện Ngân hàng thống nhất ông G trả nợ, nếu ông G không trả thì kê biên tài sản đảm bảo của cá nhân ông G để thu hồi nợ.

[3] Xét nội dung tranh chấp và các căn cứ đã được thu thập có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định: Việc lập hợp đồng vay vốn giữa Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam với hộ kinh doanh cá thể do Ông Phạm Hồng G đứng tên là có thật và hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hộ ông G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là đúng. Ông G cũng thừa nhận số nợ như Ngân hàng yêu cầu.

Nay Ngân hàng yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông G phải thanh toán số nợ trên cho Ngân hàng và lãi quá hạn phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Đại diện cho Ngân hàng không yêu cầu bà M trả nợ. Ngoài ra, đại diện Ngân hàng yêu cầu được quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc Ông Phạm Hồng G phải thanh toán cho Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam số tiền nợ gốc là 1.600.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày lãi tính đến ngày 08/4/2024 là 267.123.288 đồng. Tổng cộng là 1.867.123.288 (Một tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng). Ông Phạm Hồng G tiếp tục trả lãi quá hạn từ thời điểm ngày 09/4/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu Ông Phạm Hồng G không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 590354, thửa đất số 322, tờ bản đồ số 24, diện tích 165m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, tại: Tổ 6, thôn 6 (Duy Hà), xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Được UBND huyện T cấp ngày 11/02/2009. Đã chuyển nhượng cho ông G vào ngày 20/6/2019, là tài sản riêng của Ông Phạm Hồng G theo văn bản cam kết ngày 14/5/2019 tại Văn phòng Công chứng Tạ Hải Yên.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Ông Phạm Hồng G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm với số tiền: 39.200.000 (Ba mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Hoàn lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh H, Quảng Nam số tiền tạm ứng án phí 32.500.000 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003448 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Ông Phạm Hồng G phải chịu theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng Ngân hàng N – Chi nhánh H, tỉnh Quảng Nam đã nộp xong số tiền 3.000.000 đồng. Buộc Ông Phạm

Hồng G phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng N – Chi nhánh H, tỉnh Quảng Nam số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

[6] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng nên chấp nhận. Tuy nhiên, việc các bên đương sự thống nhất Ông Phạm Hồng G trả nợ và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu buộc cả bà M ông G trả nợ là không đúng với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 299; Điều 317; Điều 320; Điều 323; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N – Chi nhánh H, tỉnh Quảng Nam, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với hộ kinh doanh Ông Phạm Hồng G. Buộc Ông Phạm Hồng G phải trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh H, tỉnh Quảng Nam số tiền nợ gốc 1.600.000.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày 08/4/2024 là 267.123.288 đồng. Tổng cộng là 1.867.123.288 đồng (Một tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng). Ông Phạm Hồng G tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng kể từ ngày 09/4/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Hương An, tỉnh Quảng Nam có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện T xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật và Ông Phạm Hồng G không thanh toán khoản nợ trên.

Tài sản đảm bảo là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN 590354, thửa đất số 322, tờ bản đồ số 24, diện tích 165m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, tại: Tổ 6, thôn 6 (Duy Hà), xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Được UBND huyện T cấp ngày 11/02/2009. Đã chuyển nhượng cho ông G vào ngày 20/6/2019, là tài sản riêng của Ông Phạm Hồng G theo văn bản cam kết ngày 14/5/2019 tại Văn phòng Công chứng Tạ Hải Yến.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Phạm Hồng G phải chịu số tiền: 39.200.000 (Ba mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh H, tỉnh Quảng Nam số tiền tạm ứng án phí 32.500.000 đồng (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003448 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Buộc Ông Phạm Hồng G phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng N – Chi nhánh H, tỉnh Quảng Nam số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA.DS huyện T;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký tên, đóng dấu)**

**Đặng Phùng Thành**